

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/DS-ST
Ngày: 26-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Kiệt.

Ông Sơn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên tòa:
Bà Triệu Thị Mộng Lý– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ;

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị N; Địa chỉ: Số 78, khu vực 5, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (theo giấy ủy quyền lập ngày 05 tháng 4 năm 2024 do Ủy ban nhân dân thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng chứng thực) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Văn Thị N;

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Vào năm 2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có tham gia dây hụi do bị đơn bà Văn Thị N làm chủ hụi, khi bà N đứng ra kêu hụi thì có nhiều người chơi trong đó nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có tham gia 01 dây hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 09/5/2020 âm lịch, dây hụi này có 33 phần, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ tham gia 04 phần hụi, dây hụi mãn vào ngày 09 tháng 02 năm 2023 cụ thể như sau: Chân hụi thứ nhất và chân hụi thứ hai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ đã hốt và bị đơn bà Văn Thị N đã giao đủ tiền hụi cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ; Chân hụi thứ ba, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ hốt ngày 09 tháng 01 năm 2023, số tiền 57.000.000 đồng và chân hụi thứ tư nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ hốt ngày 09 tháng 02 năm 2023, số tiền 57.000.000 đồng.

Chân hụi thứ ba và chân hụi thứ tư thì bị đơn đơn bà Văn Thị N vẫn chưa giao tiền hụi cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ. Tổng số tiền hụi bị đơn bà Văn Thị N còn nợ lại của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ là 114.000.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu đồng), trong đó: 57.000.000 đồng (Chân hụi thứ ba) + 57.000.000 đồng (Chân hụi thứ tư). Sau đó, bị đơn bà Văn Thị N đã trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ nhiều lần được số tiền là 12.000.000 đồng và còn lại số tiền 102.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Đ nhiều lần yêu cầu bà N trả tiếp số tiền còn lại cho bà Nguyễn Thị Đ nhưng bà N không trả nên bà Nguyễn Thị Đ có làm đơn nhờ Ban nhân dân ấp Tân Phước B hòa giải. Tại buổi hòa giải tại nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Tân Phước B ngày 15 tháng 5 năm 2023 thì bà N có ký vào tờ biên nhận thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Đ số tiền hụi là 102.000.000 đồng, biên nhận do ông Trần Háu ngụ tại ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là người viết và là người chứng kiến. Qua thỏa thuận thì bà N đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Đ mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và bà N hẹn khi sang đất được thì sẽ trả tiền cho bà Nguyễn Thị Đ phân nửa số tiền còn nợ bà Nguyễn Thị Đ và tiếp tục góp mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, kể từ khi làm biên nhận cho đến nay thì bà N không thực hiện đúng theo Tờ biên nhận, đến nay bà N chỉ trả cho bà Nguyễn Thị Đ thêm được số tiền là 11.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay.

Nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Văn Thị N trả số tiền hụi còn nợ là 91.000.000 đồng (chín mươi một triệu đồng), không yêu cầu bà N trả tiền lãi.

Tại Biên bản hoà giải lập ngày 28 tháng 6 năm 2024 bị đơn bà Văn Thị N trình bày: Bà N thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị N, bà N thừa nhận vào 2020 bà Nguyễn Thị Đ có tham gia chơi dây hụi do bà Văn Thị N làm chủ hụi, khi bà N đứng ra kêu hụi thì có nhiều người chơi trong đó có bà Nguyễn Thị Đ, bà Đ tham gia 01 dây hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 09 tháng 5 năm 2020 âm lịch, dây hụi này có 33 phần, bà Nguyễn Thị Đ tham gia 04 chân hụi, hụi này mãn vào ngày 09 tháng 02

năm 2023 cụ thể như sau: Chân hội thứ nhất và chân hội thứ hai bà Nguyễn Thị Đ đã hốt và bà N đã giao đủ tiền hội cho bà Nguyễn Thị Đ; Chân hội thứ ba: Bà Nguyễn Thị Đ hốt ngày 09/01/2023, số tiền 57.000.000 đồng; Chân hội thứ tư: Bà Nguyễn Thị Đ hốt ngày 09/02/2023, số tiền 57.000.000 đồng.

Hiện nay, do không có khả năng thanh toán nên bà N còn nợ của bà Đ hai chân hội thứ ba và thứ tư với tổng số tiền là 114.000.000 đồng, sau đó bà N trả cho bà Đ được hai lần: Lần thứ nhất trả được 12.000.000 đồng, lần thứ hai trả được 11.000.000 đồng, tổng cộng bà N trả cho bà Đ được số tiền 23.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại của bà Đ số tiền hội là 91.000.000 đồng, bà N đồng ý trả cho bà Đ số tiền hội 91.000.000 đồng, nhưng do hiện nay hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả một lần cho bà Đ nên yêu cầu được trả dần số tiền trên, yêu cầu 03 tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi tất khoản nợ 91.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ. Buộc bị đơn bà Văn Thị N trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ số tiền hội còn nợ là 91.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Văn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu bị đơn bà Văn Thị N trả cho bà trả số tiền hội 91.000.000 đồng nên căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng góp hội. Bị đơn bà Văn Thị N có địa chỉ cư trú ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với số tiền hội 91.000.000 đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có cung cấp

bản chính danh sách hội cho Tòa án. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Văn Thị N thừa nhận bà Đ có tham gia chơi hội do bà N làm chủ. Bà Đ tham gia 04 (bốn) chân hội thì bà Đ đã nhận đủ số tiền hội đối với chân hội thứ nhất và thứ hai, nhưng do bà N không còn khả năng thanh toán tiền cho các hội viên nên bà N còn nợ lại bà Đ chân hội thứ ba và thứ tư với tổng số tiền là 114.000.000 đồng. Sau đó, bị đơn bà Văn Thị N đã trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ hai lần được 23.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại bà Đ 91.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nên có căn cứ xác định giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và bị đơn bà Văn Thị N có giao kết hợp đồng góp hội, nhưng bà N không giao đủ số tiền hội cho bà Đ theo thỏa thuận hai bên nên bị đơn bà N đã vi phạm nghĩa vụ tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường nên yêu cầu trên của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là có phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ được chấp nhận nên không phải chịu án phí; Bị đơn bà Văn Thị N phải chịu án phí là 4.550.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 235; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ. Buộc bị đơn bà Văn Thị N trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ số tiền hội là 91.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị đơn Văn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 2.275.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003585 ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn bà Văn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.550.000 đồng.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng

